

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-01-2022

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Cảnh

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2021/QĐXX-ST ngày 27 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Dương Thị Kiều Q**, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện G, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Q, anh N vắng mặt (chị Q có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/9/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Dương Thị Kiều Q trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn N chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh B vào ngày 13/3/2008. Chị và anh N cùng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn phù hợp nên anh chị đã sống ly thân khoảng 05 tháng nay. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Trong quá trình chung sống chị và anh N có 02 con chung là: Nguyễn Thị Như Quỳnh, sinh ngày 29/9/2009 và Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 14/9/2011, hiện do chị

đang trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Q khai chị và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu:

1. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị Kiều Q. Chị Dương Thị Kiều Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Như Quỳnh, sinh ngày 29/9/2009 và Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 14/9/2011 cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng đến lúc đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận chị Q không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con chung.

Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: chị Dương Thị Kiều Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Q và anh N.

[2] *Về hôn nhân*: chị Q và anh N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh B vào ngày 13/3/2008 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được coi là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, chị Q cho rằng trong quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên chị và anh N đã không sống chung với nhau khoảng 5 tháng nay. Chị Q xác định chị không còn tình cảm vợ chồng với anh N nữa nên chị Q có yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo các phiên hòa giải với mục đích là hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng anh N vẫn vắng mặt. Như vậy, tuy biết ly hôn là chấm dứt quan hệ hôn nhân nhưng anh N đã bỏ mặc không tham gia, không cùng cải thiện tình trạng hôn nhân hiện tại của anh và chị Q. Mặt khác, từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay thì anh chị không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau như vợ như chồng, không có thời gian đoàn tụ. Điều này chứng tỏ, tình trạng hôn nhân của chị Q và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc xin ly hôn của chị Q là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: chị Q và anh N có 02 con chung là: Nguyễn Thị Như Quỳnh, sinh ngày 29/9/2009 và Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 14/9/2011. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị Q và anh N sống ly thân cho đến nay, chị Q là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị Q vẫn đảm bảo tốt quyền và lợi ích của con. Đồng thời, cháu Như Quỳnh và Như Ý đã trên 07 tuổi, Tòa án tiến hành lấy ý kiến và cả hai cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và không nên làm xáo trộn về tâm lý của trẻ nên cần giao cháu Như Quỳnh và Như Ý cho chị Q được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Tuy nhiên, chị Q không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị Q, không trái với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Hội đồng xét xử ghi nhận việc chị Q khai chị và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung.

[5] *Về án phí*: chị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Kiều Q. Chị Dương Thị Kiều Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. *Về con chung*: ghi nhận chị Dương Thị Kiều Q và anh Nguyễn Văn N có 02 con chung là Nguyễn Thị Như Quỳnh, sinh ngày 29/9/2009 và Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 14/9/2011.

Giao con chung là cháu Như Quỳnh và Như Ý cho chị Q được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc chị Q không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: ghi nhận việc chị Q khai chi và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: chị Dương Thị Kiều Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Q đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002023 ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh B; chị Q đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Phước Long;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Lê Thị Hồng Đang